

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỎ CÀY**

Số: 32/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mỏ Cày, ngày 12 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới xã Mỏ Cày năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỎ CÀY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ Công văn số 563/UBND-KGVX ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 112/TTr-KT ngày 10/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Mỏ Cày năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng các ngành: Kinh tế, VH-XH xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở NN&MT tỉnh;
- Chi cục PTNT;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- VP: C, PCVP, CVTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Thái



KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới xã Mỏ Cày năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của UBND xã Mỏ Cày)

Để tiếp tục thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2025; UBND xã Mỏ Cày ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 trên địa bàn xã Mỏ Cày, với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; đảm bảo cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hoá truyền thống và trở thành nơi đáng sống; thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ, du lịch nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng xã Mỏ Cày đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Phụ lục I Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

III. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025 là 6.370,7 triệu đồng. Cụ thể:

- * Ngân sách trung ương: 4.149 triệu đồng, trong đó:
 - Vốn đầu tư: 2.410 triệu đồng;
 - Vốn sự nghiệp: 1.739 triệu đồng.
- * Ngân sách tỉnh: 330 triệu đồng, trong đó:
 - Vốn đầu tư: 0 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 330 triệu đồng.
- * Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 1.891,7 triệu đồng, trong đó:
 - Vốn đầu tư: 1.460,7 triệu đồng
 - + Ngân sách huyện (đã cấp): 700 triệu đồng
 - + Ngân sách xã: 760,7 triệu đồng
 - Vốn sự nghiệp: 431 triệu đồng:
 - + Ngân sách huyện (đã cấp): 256 triệu đồng;
 - + Ngân sách xã: 175 triệu đồng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

- Kiên toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã, Ban Quản lý các Chương trình MTQG xã; bổ sung cán bộ có năng lực phụ trách nông thôn mới cấp xã.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Chương trình

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, sát với thực tế, phù hợp với từng đối tượng để nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về nội dung, mục đích ý nghĩa Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới" và các phong trào, các cuộc vận động khác trên địa bàn xã.

3. Thực hiện có hiệu quả các nguồn lực và cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình

Tiếp tục huy động, tận dụng tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện hoàn thành mục tiêu đề ra; lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, ... góp phần hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Tổ chức điều tra, lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định đánh giá chất lượng các tiêu chí.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã (Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan và các thôn tổ chức

triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch của các ngành. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho UBND xã, Ban Chỉ đạo xã, Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan rà soát, tổng hợp nhu cầu, phân bổ vốn ngân sách đầu tư công thực hiện Chương trình, tham mưu đề xuất UBND xã trình HĐND xã phê duyệt kế hoạch bổ sung đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện chương trình;

- Tham mưu UBND xã cân đối ngân sách đầu tư năm 2025 để thực hiện Chương trình theo kế hoạch; Hướng dẫn các ngành thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình dự án khác với xây dựng nông thôn mới để phát huy hiệu quả sử dụng vốn;

- Chủ trì, phối hợp với các ngành tham mưu UBND xã cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Chương trình; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng các nguồn kinh phí sự nghiệp cho Chương trình; tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành xã

- Trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và phân công công chức phụ trách thực hiện tiêu chí ngành phụ trách;

- Phối hợp với Cơ quan thường trực Chương trình tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới và báo cáo kết quả cho Ban chỉ đạo xã, UBND xã.

- Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn thuộc chương trình, dự án của ngành phụ trách gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp với phòng Kinh tế xã thực hiện báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của Ban chỉ đạo xã và UBND xã.

3. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân, hội viên hiểu, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Phát huy tốt các nguồn lực trong nhân dân, các thôn để xây dựng Chương trình và sự hưởng ứng, đồng thuận của nhân dân với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên hưởng ứng các cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”. Bổ sung các nội dung của cuộc vận động cho phù hợp với kế hoạch, nhiệm vụ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện giám sát, phản biện xã hội để góp phần phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực của nhà nước và nhân dân cho chương trình nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch xây dựng nông thôn mới đề ra.

4. Các Thôn trên địa bàn xã

Tiếp tục huy động người dân chỉnh trang tường rào, cổng ngõ, di dời chuồng trại vật nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; đồng thời, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường; phát động toàn dân ra quân phát dọn đường làng, ngõ xóm; dọn dẹp vệ sinh môi trường nông thôn, nơi cư trú hàng tháng để đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo đề xuất về UBND xã (qua Phòng Kinh tế xã) để kịp thời chỉ đạo, xử lý./.

NỘI DUNG THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG NGHIỆP MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ MỎ CÀY

(Kèm theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của UBND xã Mỏ Cày)



Thủ lục

Sr	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sở ngành phụ trách, hướng dẫn
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Phòng Kinh tế		Sở Xây dựng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt			
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Phòng Kinh tế		Sở Xây dựng
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%			
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (cứng hóa ≥70%)			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (cứng hóa ≥70%)			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ≥80%; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III ≥60%	Phòng Kinh tế		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt			
		4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt			

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sở ngành phụ trách, hướng dẫn
4	Điện	4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn <i>Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trước giờ phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, cụ thể:</i>	≥98%	Phòng Kinh tế	Được thực hiện	Sở Công Thương
5	Trường học	- Các xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã	Sở Giáo dục và Đào tạo
		- Các xã có từ 3 trường trở xuống	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã, cụ thể:		Phòng Văn hóa - Xã hội		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		6.1.1. Quy hoạch bố trí được quỹ đất ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận	Đạt			
		6.1.2. Diện tích đất quy hoạch của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng	≥500 m ²			
		6.1.3. Diện tích đất quy hoạch của khu thể thao xã (chưa tính SVD xã)	≥2.000 m ²			
		6.1.4. Quy mô chỗ ngồi của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng xã	≥.00 chỗ ngồi			
		6.1.5. Trang thiết bị của nhà Văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao xã	Đạt ≥80%			
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định cụ thể:				
		6.2.1. Có ít nhất 01 điểm vui chơi, giải trí độc lập cho người già và trẻ em	Đạt			
		6.2.2. Cam kết lộ trình đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em	Đạt			

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu		Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sở ngành phụ trách, hướng dẫn
		6.2.3. Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em		Đạt			
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		100%			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Có	Phòng Kinh tế		Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Có	Phòng Văn hóa - Xã hội	Bưu điện Mỏ Đức	Sở Khoa học và Công nghệ
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Có			
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		≥70%			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành					
		8.4.1. Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã.		≥ 50%			
		8.4.2. Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng:					
		- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.					
		- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước.					
		- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.					
		- Trang thông tin điện tử thành phần có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và thông tin về dịch vụ công trực tuyến.					
				Có			Sở Khoa học và Công nghệ

Sr	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sở ngành phụ trách, hướng dẫn	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Phòng Kinh tế		Sở Xây dựng	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Không ≥80%				
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT							
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người	Năm 2025: ≥53 triệu đồng/ người	Phòng Kinh tế	Thống kê cơ sở Mộ Đức	Chi cục Thống kê tỉnh	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	<5%	Phòng Kinh tế		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đặt cho cả nam và nữ)	≥75%	Phòng Văn hóa - Xã hội		Sở Nội vụ	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đặt cho cả nam và nữ)	≥25%				
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương	Đạt	Phòng Kinh tế	Các HTX trên địa bàn xã	Sở Tài chính	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt				
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	≥ 1 sản phẩm				
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Có				
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Có				
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG							

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Số ngành phụ trách, hướng dẫn
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ		Phòng Văn hóa - Xã hội		Sở Giáo dục và Đào tạo
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt			
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt			
		- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%			
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt			
		- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt			
15	Y tế	14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥85%	Phòng Văn hóa - Xã hội		Bảo hiểm xã hội khu vực XXIII (Binh Định-Quảng Ngãi)
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)			BHXXH Mộ Đức	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	≥90% Đạt			
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤22%			Sở Y tế
16	Văn hoá	15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Phòng Văn hóa - Xã hội		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới, cụ thể:				
		- Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục	≥70%			
		- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục	≥75%			

Sst	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sở ngành phụ trách, hướng dẫn
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥ 45%	Phòng Kinh tế		Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥95%			
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt			
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥12 m ² /người			
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt			Sở Xây dựng
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥75%			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%			
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%		Hội Liên hiệp Phụ nữ xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường (phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh)
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%			
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%			

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sở ngành phụ trách, hướng dẫn
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%			
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Văn phòng HĐND&UBND		Sở Tư pháp
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt			
		118.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt			
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định				
		a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	Đạt	Phòng Văn hóa - Xã hội		Sở Nội vụ (Bình đẳng giới); Sở Y tế (phòng chống xâm hại trẻ em....)
		b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt			
		c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	Đạt			
18	cận pháp luật	18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Phòng Văn hóa - Xã hội		
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Có	Phòng Kinh tế		Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sr	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Số ngành phụ trách, hướng dẫn
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Ban Chỉ huy Quân sự xã		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội tày, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an xã		Công an tỉnh